

Số: 131 /KH- UBND

Bắc Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2023

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Thực hiện Nghị định số 07/2021/NĐ- CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025; Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; UBND tỉnh Bắc Giang xây dựng Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Rà soát đánh giá đúng thực trạng đời sống nhân dân ở từng địa phương, cơ sở; kết quả thực hiện các chỉ tiêu về giảm nghèo ở từng huyện, xã và chung trong toàn tỉnh; xác định chính xác số hộ nghèo, hộ cận nghèo của từng địa phương và toàn tỉnh có đến cuối năm 2023 làm cơ sở cho các cấp, các ngành lập kế hoạch thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội trên địa bàn trong năm 2024.

2. Yêu cầu

a) Việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền, sự tham gia các cấp hội, đoàn thể và của người dân;

b) Việc rà soát phải thực hiện từ thôn, bản, tổ dân phố, trực tiếp đối với từng hộ gia đình, theo đúng quy trình, hướng dẫn quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội; chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội; đúng tiến độ về thời gian; đảm bảo tính chính xác theo nguyên tắc công khai, minh bạch, công bằng, dân chủ;

c) Lực lượng rà soát viên là người đã được tập huấn về nghiệp vụ rà soát, nắm rõ, thông thạo tình hình dân cư tại địa bàn.

d) Kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực tế tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thực trạng đời sống của Nhân dân; tránh tình trạng chạy theo chỉ tiêu, thành tích làm sai lệch thực trạng nghèo của địa phương.

e) Kết thúc cuộc rà soát, UBND cấp xã phải xác định được chính xác số hộ nghèo, hộ cận nghèo từng thôn, bản, tổ dân phố và cập nhật bổ sung ngay thông tin về thành viên, đặc điểm của hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý sau khi có quyết định công nhận.

II. TIÊU CHÍ VÀ CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU; ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, PHẠM VI RÀ SOÁT

1. Tiêu chí và chuẩn nghèo đa chiều

Tiêu chí và chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

1.1. Các tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

a) Tiêu chí thu nhập:

- Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng;
- Khu vực thành thị: 2.000.000 đồng/người/tháng.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin;

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: (1) việc làm; (2) người phụ thuộc trong hộ gia đình; (3) dinh dưỡng; (4) bảo hiểm y tế; (5) trình độ giáo dục của người lớn; (6) tình trạng đi học của trẻ em; (7) chất lượng nhà ở; (8) diện tích nhà ở bình quân đầu người; (9) nguồn nước sinh hoạt; (10) nhà tiêu hợp vệ sinh; (11) sử dụng dịch vụ viễn thông; (12) phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình

a) Chuẩn hộ nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên;

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản;

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Chuẩn hộ có mức sống trung bình

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng;

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

2. Đối tượng, nội dung, phạm vi rà soát

2.1. Đối tượng rà soát

a) Toàn bộ hộ gia đình hiện tại đang có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện do UBND xã, phường, thị trấn đang quản lý;

b) Một số hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng có đơn đề nghị rà soát hoặc địa phương chủ động phát hiện thấy hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm có khả năng rơi vào diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2.2. Nội dung rà soát

Căn cứ chuẩn nghèo và quy trình, thủ tục rà soát, đánh giá xác định những hộ nghèo, cận nghèo mới phát sinh, số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, hộ có mức sống trung bình năm 2023.

2.3. Phạm vi, thời điểm rà soát

2.3.1. Rà soát toàn bộ số hộ gia đình trên phạm vi 209 xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh.

- Khu vực thành thị: 27 đơn vị hành chính.

- Khu vực nông thôn: 182 xã của các huyện, thành phố.

(Có phụ lục kèm theo).

2.3.2. Thời gian rà soát: Thực hiện từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 năm 2023.

III. PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT, PHÂN LOẠI HỘ NGHEÒ, HỘ CẬN NGHEÒ

1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH thực hiện như sau:

a) Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số

1315/VBHN-BLĐTBXH để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A):

+ Ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng;

+ Ở khu vực thành thị, 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo

- Hộ nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực thành thị;

- Hộ cận nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực thành thị.

2. Việc rà soát đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và lập danh sách hộ gia đình cần rà soát quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số [24/2021/QĐ-TTg](#) thực hiện như sau:

a) Đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với thôn, bản, dân phố (viết tắt là thôn), rà soát viên lập danh sách và sử dụng Phiếu A theo Phụ lục II và Phụ lục IV ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09 thì đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát.

b) Danh sách hộ gia đình cần rà soát được lập theo Phụ lục I ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH.

3. Việc thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số [24/2021/QĐ-TTg](#) thực hiện như sau:

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng thôn và rà soát viên sử dụng Phiếu B theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH để thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

4. Mẫu biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát quy định tại điểm c khoản 3 Điều 4 Quyết định số [24/2021/QĐ-TTg](#) lập theo Phụ lục V ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH.

5. Mẫu danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát) quy định tại điểm c khoản 4 Điều 4 Quyết định số [24/2021/QĐ-TTg](#) lập theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH.

6. Mẫu biểu báo cáo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện như sau:

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm trên địa bàn theo Mẫu số 7.1 Phụ lục VII ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH.

b) Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH.

Thu thập dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo phục vụ kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo mẫu biểu tại Công văn số 2752/LĐTBXH-VPQGGN ngày 19/7/2023 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

7. Việc xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg thực hiện theo Phiếu khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH.

IV. TỔ CHỨC RÀ SOÁT

1. Ban rà soát thôn thực hiện rà soát các hộ gia đình trên địa bàn theo đúng trình tự 6 bước quy trình rà soát quy định tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Khảo sát thu thập thông tin theo hướng dẫn quy định tại phần III của Kế hoạch này.

3. Kết quả rà soát được niêm yết công khai đảm bảo sự giám sát của nhân dân và Ban giám sát các cấp.

4. Ban rà soát thôn báo cáo kết quả rà soát với Chủ tịch UBND cấp xã.

5. Chủ tịch UBND cấp xã tổng hợp, báo cáo, xin ý kiến thẩm định của Chủ tịch UBND cấp huyện (qua phòng Lao động-Thương binh và Xã hội) về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; sau khi thẩm định, cấp huyện thông báo kết quả để Chủ tịch UBND cấp xã ký quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ TỔNG HỢP BÁO CÁO KẾT QUẢ

1. Tiến độ thực hiện

- Thành lập Ban chỉ đạo ở các cấp và tổ chức triển khai kế hoạch tập huấn nghiệp vụ ở cấp tỉnh xong **trước ngày 15/9/2023**. Cấp huyện tổ chức tập huấn cho cán bộ cấp xã và Ban rà soát thôn xong **trước ngày 30/9/2023**.

- Từ ngày 01/10/2023 đến ngày 30/10/2023: Cấp xã tổ chức rà soát, thống kê ở cơ sở và báo cáo kết quả rà soát về Ban chỉ đạo cấp huyện.

- Từ ngày 01/11/2023 đến ngày 15/11/2023: Ban chỉ đạo cấp huyện nghiệm thu, tổng hợp kết quả rà soát trên địa bàn, báo cáo sơ bộ kết quả rà soát về Ban chỉ đạo tỉnh.

- Từ ngày 16/11/2023 đến 30/11/2023: Ban chỉ đạo cấp huyện báo cáo kết quả chính thức về Ban chỉ đạo tỉnh (Sở Lao động – Thương binh và Xã hội).

- Từ ngày 01/12/2023 đến 14/12/2023: Ban chỉ đạo tỉnh tổng hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố số liệu rà soát và hoàn thành việc nhập tin kết quả rà soát vào phần mềm quản lý chung toàn tỉnh.

2. Tổng hợp báo cáo kết quả

Tổng hợp báo cáo kết quả rà soát thực hiện ở 3 cấp: Xã, huyện, tỉnh:

Các cấp tổng hợp, báo cáo theo các mẫu biểu kèm theo Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo.

3. Phúc tra kết quả điều tra, rà soát

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy kết quả tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện, xã nào chưa phản ánh chính xác, khách quan, trung thực tình hình kinh tế- xã hội của địa phương hoặc có ý kiến khiếu nại của người dân về kết quả rà soát, Ban chỉ đạo cấp trên tổ chức phúc tra lại kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở những địa bàn cần thiết, thông báo công khai để Nhân dân biết, trước khi UBND cấp xã làm thủ tục công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cấp

1.1. Ở cấp tỉnh

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 (gọi chung là Ban chỉ đạo) tỉnh Bắc Giang do 01 Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội làm Phó Trưởng ban Thường trực; thành viên là lãnh đạo các Sở, ngành: Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thống kê, Ban Dân tộc, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh. Ban chỉ đạo tỉnh có trách nhiệm giúp UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện cuộc rà soát trên địa bàn và hướng dẫn, hỗ trợ Ban chỉ đạo cấp dưới về mặt nghiệp vụ, đôn đốc tiến độ thực hiện kế hoạch, tổng hợp số liệu, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện rà soát theo quy định.

- Xây dựng, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành kế hoạch tổ chức rà soát; thống nhất mẫu biểu thực hiện trên địa bàn.

- Tổ chức tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; dự toán kinh phí tổ chức rà soát; in ấn bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo và phiếu rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trong toàn tỉnh.

- Triển khai kế hoạch và tập huấn nghiệp vụ cho cấp huyện, cấp xã và một số thành viên Ban rà soát thôn, bản có khó khăn và đông dân cư trong toàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan, thành viên Ban chỉ đạo:

- + Đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện cuộc rà soát trên địa bàn.

- + Theo dõi, hướng dẫn, chỉ đạo UBND cấp huyện thực hiện rà soát theo đúng quy trình và tiến độ kế hoạch của UBND tỉnh.

- + Tổ chức phúc tra lại kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở những địa bàn cần thiết (nếu có).

- Tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả và báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

b) Sở Thông tin và Truyền thông

- Chỉ đạo các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh tuyên truyền, phổ biến Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; Kế hoạch rà soát của UBND tỉnh đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là các hộ nghèo, hộ cận nghèo biết để nâng cao ý thức, trách nhiệm, tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện cuộc rà soát.

- Phối hợp với Sở Lao động- Thương binh và Xã hội đảm bảo hạ tầng thực hiện và ứng dụng phần mềm, lưu trữ thông tin, cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chỉ đạo của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội.

c) Các Thành viên Ban chỉ đạo tỉnh

- Thực hiện tốt nhiệm vụ được Trưởng Ban chỉ đạo phân công để phối hợp chỉ đạo thực hiện tốt Kế hoạch rà soát của tỉnh.

- Chủ động kiểm tra, đôn đốc và chịu trách nhiệm về tiến độ, kết quả rà soát tại địa bàn được phân công phụ trách.

1.2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Chỉ đạo các ngành liên quan, UBND cấp xã tổ chức rà soát xác định hộ nghèo, cận nghèo, hộ có mức sống trung bình; cập nhật thông tin hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn vào hệ thống phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Bố trí kinh phí rà soát của cấp mình và chỉ đạo UBND cấp xã bố trí kinh phí rà soát theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách.

- Chỉ đạo Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội là cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo cấp huyện có trách nhiệm:

+ Tham mưu UBND cấp huyện thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện, thành viên Ban Chỉ đạo có cơ cấu thành phần tương tự như cấp tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ sau:

+ Xây dựng, trình Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

+ Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cấp xã và lực lượng điều tra viên trực tiếp tham gia rà soát ở cơ sở.

- Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc UBND cấp xã chỉ đạo thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn đúng quy trình và tiến độ quy định.

- Kiểm tra và phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp xã trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; chỉ đạo và giải quyết đơn thư khiếu nại của công dân có liên quan đến rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (nếu có).

- Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn báo cáo UBND tỉnh.

1.3. Ở cấp xã

- Chủ tịch UBND cấp xã thành lập Ban rà soát ở các thôn, bản, tổ dân phố (gọi tắt là Ban rà soát thôn) do Trưởng thôn làm Trưởng ban, đại diện cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Phụ nữ, Nông dân, Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, điều tra viên làm thành viên. Ban rà soát thôn có nhiệm vụ thực hiện việc khảo sát, xác định, phân loại hộ gia đình, tổ chức thu thập thông tin ghi phiếu đến từng hộ; tổ chức họp Nhân dân để thông qua kết quả rà soát, lập danh sách, niêm yết công khai hộ nghèo, hộ cận nghèo của thôn và báo cáo cấp trên theo quy định.

- Xây dựng tiến độ thực hiện kế hoạch rà soát và trực tiếp thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình trên địa bàn theo đúng quy định.

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, yêu cầu, phương pháp rà soát hộ nghèo, cận nghèo trên các phương tiện truyền thông; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát.

- Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

- Đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. Lập các phụ lục, báo cáo kết quả rà soát đúng thời gian quy định cho UBND cấp huyện.

- Kiểm tra và phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của các thôn, bản, tổ dân phố trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; chỉ đạo và giải quyết đơn thư khiếu nại của công dân có liên quan đến rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (nếu có).

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

2. Đề nghị các huyện ủy, thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội

- Đề nghị các huyện ủy, thành ủy quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và thường xuyên kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo ở địa phương.

- Đề nghị Ủy ban MTTQ tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban MTTQ các cấp chủ trì phối hợp với các tổ chức thành viên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giám sát quá trình thực hiện cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh đảm bảo kết quả rà soát dân chủ, khách quan và minh bạch.

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí tổ chức thực hiện cuộc rà soát hộ nghèo, cận nghèo năm 2023 do ngân sách từng cấp đảm nhiệm, bố trí theo quy định hiện hành về Luật Ngân sách.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình năm 2023; các sở, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố căn cứ kế hoạch để triển khai tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc đề nghị phản ánh về Thường trực Ban chỉ đạo tỉnh (*Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, điện thoại: 3.853.650; 0912578576*) để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời ./.

Nơi nhận:

- Bộ Lao động- TB&XH;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (B/cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể CT-XH tỉnh;
- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Bắc Giang, Đài PT-TH tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, KTTH, TH.
 - + Lưu: VT, KGVX.Thảo.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Sơn

PHỤ LỤC
Đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

STT	ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ			
		Tổng số	Xã (<i>Khu vực nông thôn</i>)	Phường (<i>Khu vực thành thị</i>)	Thị trấn (<i>Khu vực thành thị</i>)
1	TP Bắc Giang	16	6	10	0
2	Huyện Việt Yên	17	15		2
3	Huyện Sơn Động	17	15		2
4	Huyện Yên Dũng	18	16		2
5	Huyện Yên Thế	19	17		2
6	Huyện Lạng Giang	21	19		2
7	Huyện Tân Yên	22	20		2
8	Huyện Lục Nam	25	23		2
9	Huyện Hiệp Hòa	25	23		2
10	Huyện Lục Ngạn	29	28		1
	Cộng	209	182	10	17